

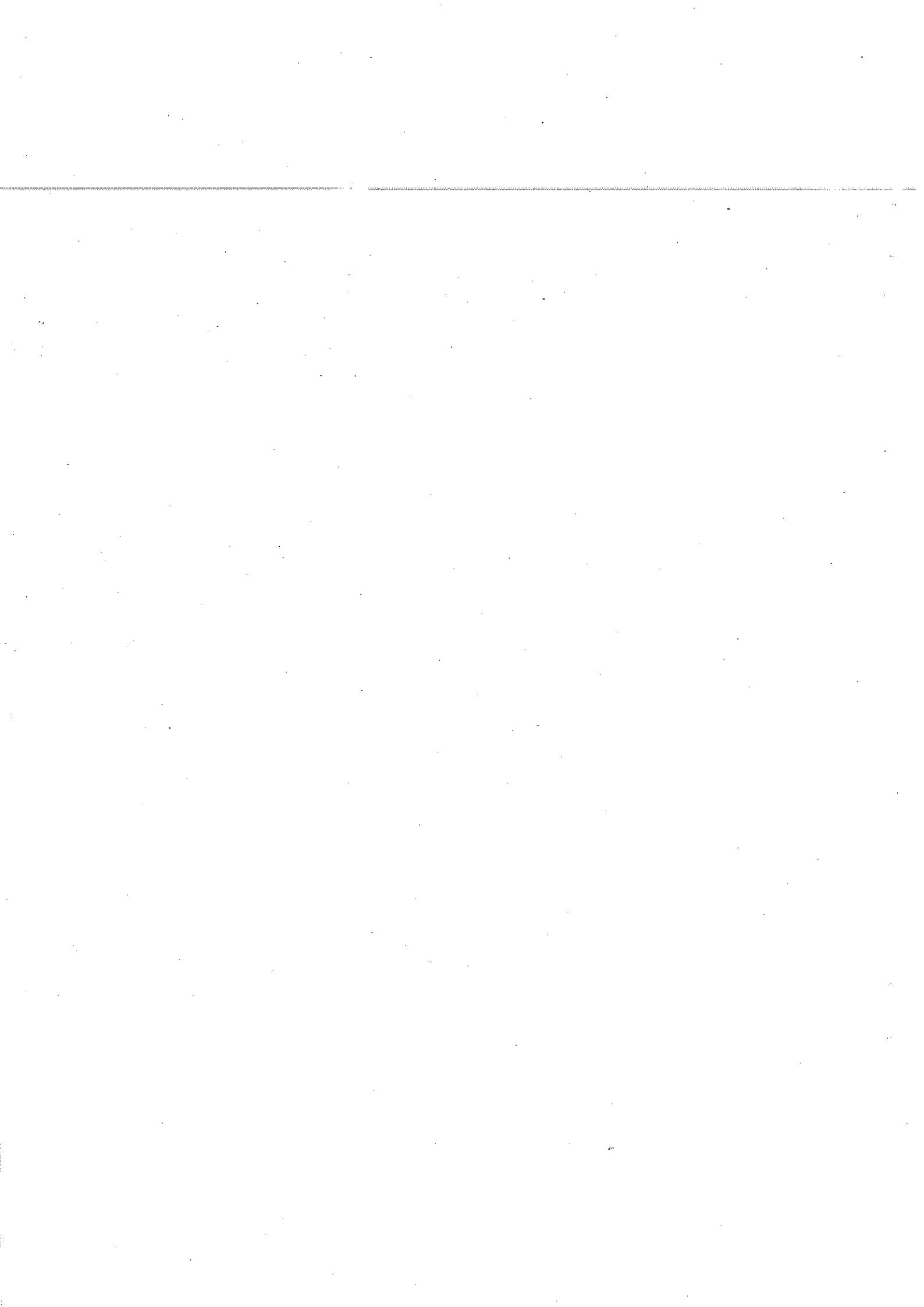
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

KẾ HOẠCH

Đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 của tỉnh Bắc Giang

(Trình HĐND tỉnh Khóa XIX tại kỳ họp thứ 5)

Bắc Giang, tháng 12 năm 2021



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 186/BC-HĐND

Bắc Giang, ngày 04 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả thẩm tra Dự thảo Nghị quyết về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bắc Giang

Thực hiện phân công của Thường trực HĐND tỉnh, Ban kinh tế - ngân sách đã tổ chức thẩm tra dự thảo Nghị quyết về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bắc Giang. Ban kinh tế - ngân sách báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

1. Căn cứ pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Tại khoản 2, Điều 62 Luật Đầu tư công năm 2019 quy định: “Căn cứ Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn mới và Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm, HĐND cấp tỉnh quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương, bao gồm tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn, danh mục, mức vốn bố trí cho từng dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh và mức vốn bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới, gửi báo cáo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo Chính phủ”.

Như vậy, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bắc Giang là cần thiết và đúng thẩm quyền.

2. Về trình tự, thủ tục

Dự thảo Nghị quyết được xây dựng đúng trình tự, thủ tục; thể thức văn bản thực hiện theo quy định tại Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư. Dự thảo Nghị quyết đã được các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan tham gia và đã được UBND tỉnh thông qua.

3. Về nội dung

Nội dung dự thảo Nghị quyết đã được xây dựng trên cơ sở thực hiện Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025, Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, Hướng dẫn số 5743/BKHĐT-TH ngày 14/8/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025. Đồng thời căn cứ định hướng mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu của Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến

2050; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, giai đoạn 2021-2025 của tỉnh. Theo đó:

- Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của tỉnh là 40.131,425 tỷ đồng, trong đó: Vốn được giao tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ là 25.290,058 tỷ đồng; ngân sách tỉnh, ngân sách Trung ương bổ sung khác tính đến hết năm 2021 là 14.841,367 tỷ đồng. Phân theo vốn trong nước là 39.803,736 tỷ đồng, vốn nước ngoài là 327,688 tỷ đồng.

- Đối tượng phân bổ vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện theo đúng quy định tại Điều 5 Luật Đầu tư công năm 2019 và được phân theo ngành, lĩnh vực quy định tại Điều 36 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; nguyên tắc và thứ tự ưu tiên phân bổ vốn phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh và đảm bảo theo quy định trong đó định hướng tổng quát ưu tiên đầu tư dự án kết cấu hạ tầng có thể tạo sức lan tỏa lớn, vùng động lực kinh tế, giao thông đối ngoại, đối nội, giao thông kết nối vùng khó khăn với trung tâm đô thị; khu công nghiệp, cụm công nghiệp; tiếp tục đầu tư cho nông nghiệp, y tế, giáo dục...

- Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn cho các dự án trên cơ sở tuân thủ nguyên tắc tiết kiệm trong đầu tư công là 90% tổng mức đầu tư đối với dự án nhóm C và 85% tổng mức đầu tư đối với dự án nhóm B. Các nhiệm vụ, chương trình, dự án được giao kế hoạch vốn cơ bản đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Ban kinh tế - ngân sách HĐND tỉnh cơ bản nhất trí với nội dung Dự thảo Nghị quyết. Tuy nhiên, đề nghị UBND tỉnh tiếp tục hoàn thiện dự thảo nghị quyết, bổ sung một số nội dung và quan tâm các vấn đề sau:

- Đề nghị UBND tỉnh rà soát, báo cáo danh mục các dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư nhưng chưa đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, tính toán lộ trình bố trí kế hoạch vốn cho các dự án này, tránh trường hợp phê duyệt để treo; đồng thời hướng dẫn các huyện, thành phố liên quan đến dự án có phương án chủ động đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách địa phương.

- Tiếp tục rà soát các dự án hoàn thành trong năm 2022 và sau năm 2022 tránh để sót danh mục dẫn đến phải điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn trong quá trình thực hiện hằng năm.

- Đề nghị sửa tên dự thảo Nghị quyết thành “Nghị quyết về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bắc Giang”.

- Tại Điều 2, bổ sung nội dung: HĐND tỉnh giao Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn các dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

- Đề nghị phân bổ Nghị quyết gồm 2 Điều, Điều 2 và Điều 3 viết gộp lại.

- Về thể thức văn bản phần “Nơi nhận”: Đề nghị thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục I của Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

Ban kinh tế - ngân sách báo cáo kết quả thẩm tra Dự thảo Nghị quyết về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bắc Giang, đề nghị các đại biểu HĐND tỉnh xem xét, quyết định. / 10

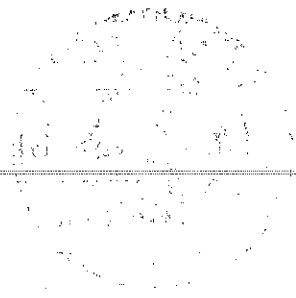
Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên VP;
- Lưu: VT, CTHĐND_{yendt}.

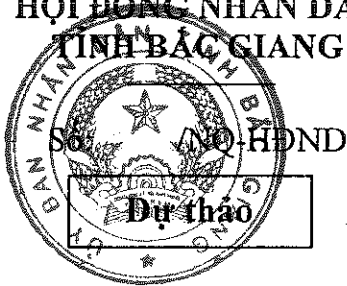
**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thế Toàn



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bắc Giang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 5

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

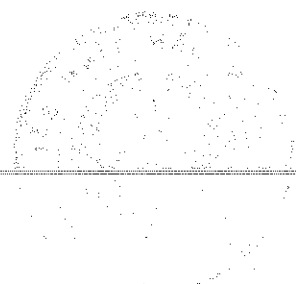
Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 625/TTr-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của tỉnh là 40.131,425 tỷ đồng, trong đó: Vốn giao theo Quyết định 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 là 25.290,058 tỷ đồng; ngân sách tỉnh, ngân sách trung ương bổ sung khác tính đến hết năm 2021 là 14.841,367 tỷ đồng (riêng giao tăng thu tiền sử dụng đất là 13.420 tỷ đồng so với số trung ương giao), chi tiết như sau:

1. Vốn cân đối ngân sách địa phương theo tiêu chí tính điểm là 3.504,7 tỷ đồng.
2. Vốn ngân sách tỉnh cân đối bổ sung cho đầu tư (đã bổ sung năm 2021) là 634,691 tỷ đồng.
3. Vốn xổ số kiến thiết là 140 tỷ đồng.
4. Vốn trái phiếu chính quyền địa phương là 700 tỷ đồng.
5. Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất là 29.420 tỷ đồng.
6. Vốn ngân sách Trung ương trong nước (đầu tư theo ngành, lĩnh vực) là 5.360,658 tỷ đồng.



7. Vốn nước ngoài (ODA):

- Vốn nước ngoài (ODA) cấp phát là 284,7 tỷ đồng.
- Vốn nước ngoài (ODA) vay lại là 42,988 tỷ đồng (đã bổ sung năm 2021).

8. Vốn ngân sách Trung ương giao bổ sung ngoài cân đối (không bao gồm vốn sự nghiệp):

- Vốn NSTW trong nước xử lý cấp bách đề điều, thù lợi 43 tỷ đồng.

(Chi tiết tại biểu số 1, 2 kèm theo)

Điều 2. Trong quá trình chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh ủy quyền cho Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung, phân bổ chi tiết và chuyển nguồn các nguồn vốn trong kế hoạch hằng năm và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết này, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

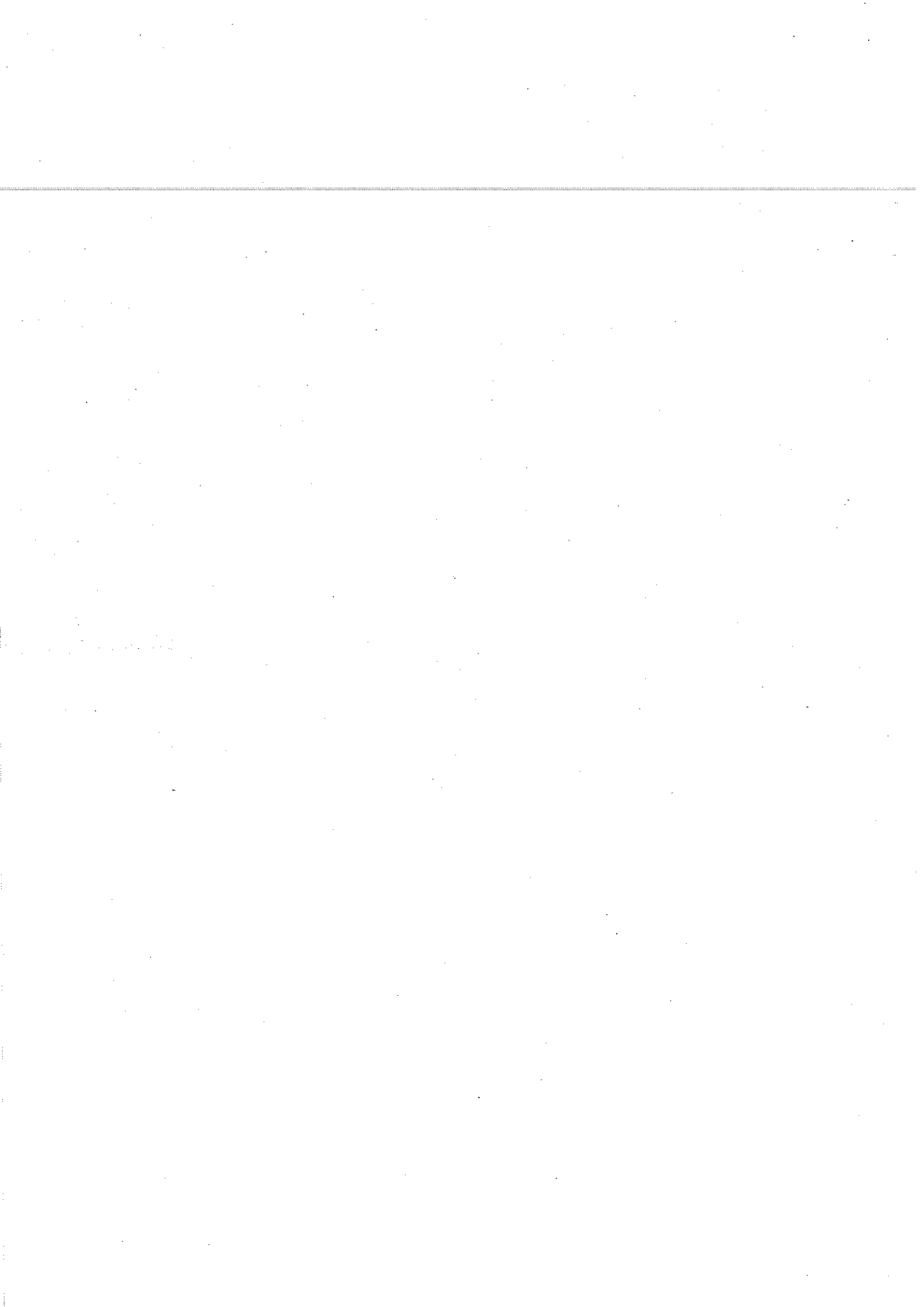
Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XIX, kỳ họp thứ 5 thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội tỉnh;
- Các cơ quan, ban ngành thuộc Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Viện Kiểm sát Nhân dân, Tòa án Nhân dân tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh;
- Ban QLDA ĐTXD các CTGT, NN tỉnh;
- Công TTĐT của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

Lê Thị Thu Hồng



Số: /KH-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 12 năm 2021

KẾ HOẠCH
ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
CỦA TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước.

Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ; Hướng dẫn số 5743/BKHĐT-TH ngày 14/8/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ và văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương.

Căn cứ định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu của Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, giai đoạn 2021-2025, của tỉnh; UBND tỉnh Bắc Giang đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020, xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của tỉnh, với những nội dung chủ yếu, như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Về huy động các nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội (có nguồn vốn đầu tư công) giai đoạn 2016-2020 của tỉnh

Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2016-2020 ước đạt trên 226 nghìn tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân hằng năm đạt 15,9%. Trong đó:

- Vốn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý và Trung ương đầu tư trên địa bàn (bao gồm cả vốn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý, vốn hỗ trợ mục tiêu Trung ương, vốn ODA, vốn trái phiếu Chính phủ, PPP) trên 36.220 tỷ đồng, chiếm 16%.

- Vốn đầu tư nước ngoài trên 65.770 tỷ đồng, chiếm 29,1%.

- Vốn đầu tư của các doanh nghiệp trên 31.750 tỷ đồng, chiếm 14,1%.

- Vốn đầu tư khu vực dân cư 92.300 tỷ đồng, chiếm 40,8%.

** Trong đó tính riêng nguồn vốn đầu tư công do tỉnh quản lý giai đoạn 2016-2020, tổng số vốn 20.493 tỷ đồng (số vốn thực giao đến hết năm 2020), gồm:*

(1) Vốn ngân sách địa phương: 15.160 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn cân đối ngân sách tỉnh theo tiêu chí (Trung ương giao): 3.058 tỷ đồng.

- Vốn đầu tư từ nguồn thu đấu giá quyền sử dụng đất 10.394 tỷ đồng,

trong đó: Điều tiết về ngân sách cấp tỉnh bổ sung cho đầu tư 1.942 tỷ đồng (cân đối hàng năm); số vượt thu tiền đất bổ sung ngân sách cấp tỉnh cho đầu tư 1.571 tỷ đồng (số bổ sung hằng năm); số còn lại 6.881 tỷ đồng dành cho các huyện, thành phố để đầu tư (giao cân đối hằng năm).

- Vốn xỏ số kiến thiết: 115,5 tỷ đồng.

- Bội chi ngân sách địa phương: 20,6 tỷ đồng.

(2) Vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương 3.096,5 tỷ đồng, gồm:

- Vốn hỗ trợ có mục tiêu theo các Chương trình mục tiêu: 1.567,3 tỷ đồng.

- Vốn đầu tư phát triển các Chương trình MTQG: 1.529,2 tỷ đồng.

(3) Vốn trái phiếu Chính phủ 1.020,6 tỷ đồng.

(4) Vốn ODA 956,6 tỷ đồng (gồm vốn ODA cấp phát là 936 tỷ đồng; vốn ODA cho các địa phương vay lại theo Hiệp định đã cam kết của các dự án 153 tỷ đồng).

Thông qua việc huy động các nguồn lực đầu tư từ ngân sách các cấp, kết cấu hạ tầng của tỉnh dần được hoàn thiện theo hướng hiện đại; đồng thời, thu hút được nhiều thành phần kinh tế tham gia đầu tư, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu phát triển. Đặc biệt, tỉnh đã triển khai thực hiện các dự án theo hình thức đối tác công tư – PPP, qua đó đã huy động được nguồn lực đáng kể từng bước hoàn thiện hạ tầng, đáp ứng được yêu cầu phát triển...

2. Kết quả cụ thể trên một số lĩnh vực chủ yếu

2.1. Hạ tầng giao thông

Thực hiện Nghị quyết số 113-NQ/TU ngày 22/7/2016 của Tỉnh ủy về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông và Kết luận số 43-KL/TU ngày 11/5/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành các Nghị quyết, đề án, quy hoạch liên quan trực tiếp đến công tác đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng giao thông. Nguồn vốn ngân sách Nhà nước đầu tư cho phát triển kết cấu hạ tầng giao thông là trên 10.700 tỷ đồng (chiếm 36,15% vốn đầu tư công của tỉnh), trong đó đã tập trung đầu tư trên 2.350 tỷ đồng cải tạo, nâng cấp các tuyến quốc lộ, đường tỉnh và các tuyến đường huyết mạch của tỉnh, tạo điều kiện cho phát triển kinh tế - xã hội, với việc đã hoàn thành xây mới, cải tạo nâng cấp 89,3km đường cao tốc và quốc lộ, 137,6km đường tỉnh.

2.2. Hạ tầng nông nghiệp nông thôn, thủy lợi

Nguồn vốn đầu tư ngân sách Nhà nước đầu tư khoảng 2.300 tỷ đồng (chiếm 7,7% vốn đầu tư công của tỉnh); tập trung đầu tư cho phát triển hạ tầng lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; đầu tư kết cấu hạ tầng thuộc các Chương trình phát triển nông nghiệp, phù hợp với chủ trương và quy hoạch được duyệt.

2.3. Hạ tầng khu, cụm công nghiệp, hạ tầng điện

Nguồn vốn đầu tư ngân sách Nhà nước đầu tư khoảng 560 tỷ đồng (chiếm 2% vốn đầu tư công của tỉnh) cho phát triển hạ tầng lĩnh vực công nghiệp, trong đó đã tập trung hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật giai đoạn I và đầu tư xây dựng Trạm

xử lý nước thải, hệ thống đường giao thông nội bộ cho Khu phía Bắc KCN Song Khê - Nội Hoàng; hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Đại Lâm, huyện Lạng Giang; tiếp tục đầu tư xây dựng Dự án cấp điện nông thôn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2013-2020.

2.4. Về đầu tư cơ sở vật chất lĩnh vực y tế

Nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư trên 1.450 tỷ đồng (chiếm 4,8% vốn đầu tư công của tỉnh), đã tập trung đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị cho hệ thống các bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện, nhằm đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh, khám chữa bệnh của nhân dân. Trong đó, đã cơ bản hoàn thành đầu tư hệ thống các bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh, tuyến huyện như: Bệnh viện Đa khoa tỉnh; Bệnh viện Ung bướu; Bệnh viện Nội tiết; Bệnh viện Y học cổ truyền và một số công trình y tế tuyến huyện khác... với tổng diện tích sàn xây dựng tăng thêm 35.000m² (trong đó: 28.400m² sàn xây mới, 6.600m² sàn cải tạo, sửa chữa).

2.5. Về đầu tư cơ sở vật chất thuộc lĩnh vực giáo dục đào tạo

Nguồn vốn ngân sách nhà nước đã đầu tư trên 2.600 tỷ đồng (chiếm 8,8% vốn đầu tư công của tỉnh) cho lĩnh vực giáo dục. Trong đó đã tập trung xây dựng cơ sở vật chất trường, lớp. Ngân sách nhà nước cũng tập trung đầu tư cơ sở vật chất cho lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp như: Xây dựng Khoa Dân tộc nội trú Trường Cao đẳng nghề Công nghệ Việt-Hàn; Xây mới Trường Chính trị tỉnh, cũng như đầu tư cơ sở vật chất của một số Trường THPT trên địa bàn.

2.6. Về đầu tư phát triển hạ tầng văn hóa, thể thao và du lịch

Nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư trên 2.260 tỷ đồng (chiếm 7,6% vốn đầu tư công của tỉnh), đã tập trung thực hiện tôn tạo các di tích, đầu tư hạ tầng du lịch và đầu tư cơ sở vật chất, trụ sở; trong đó đã tôn tạo được 3 di tích có giá trị của tỉnh, góp phần gìn giữ các giá trị văn hóa và nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân địa phương. Bước đầu triển khai thực hiện các dự án nhằm bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử, phát triển hạ tầng du lịch bằng nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương như: Hạ tầng khu du lịch sinh thái Suối Mỡ, huyện Lục Nam; Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt những diềm khởi nghĩa Yên Thế, tỉnh Bắc Giang (giai đoạn I); Nhà thi đấu thể thao.

Bên cạnh đó, nguồn vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ các xã thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, trong đó có các hạng mục đầu tư về nhà văn hóa, sân vận động tiếp tục được quan tâm đầu tư.

2.8. Về đầu tư cho lĩnh vực lao động việc làm, dân tộc, an sinh xã hội

Nguồn vốn ngân sách đầu tư cho lĩnh vực lao động việc làm, dân tộc và an sinh xã hội là 294 tỷ đồng (chiếm 01% vốn đầu tư công của tỉnh), trong đó: Đầu tư trên 35 tỷ đồng hỗ trợ xây dựng các công trình nước sinh hoạt tập trung cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính

phủ; hỗ trợ 36 tỷ đồng xây dựng cơ sở hạ tầng cho 36 thôn, bản đặc biệt khó khăn nhất tỉnh, kinh phí hỗ trợ nhà ở cho người có công theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ là 67,7 tỷ đồng; hỗ trợ hộ thiếu đất sản xuất có nhu cầu chuyển đổi nghề trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ là 2,5 tỷ đồng. Ngoài ra, tiếp tục đầu tư thực hiện dự án Trung tâm chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần tỉnh Bắc Giang (giai đoạn 1); xây dựng mới Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Bắc Giang với số vốn là 70 tỷ đồng.

2.9. Về đầu tư lĩnh vực tài nguyên và bảo vệ môi trường

Nguồn vốn ngân sách đầu tư khoảng 324 tỷ đồng (chiếm 1,1% vốn đầu tư công của tỉnh). Công tác xử lý chất thải, rác thải, nước thải được quan tâm triển khai với nhiều mô hình thu gom và công nghệ phù hợp với điều kiện từng địa phương, doanh nghiệp. Một số dự án quan trọng tiếp tục được triển khai thực hiện trong giai đoạn này như: Dự án khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường làng nghề nấu rượu truyền thống xã Vân Hà, huyện Việt Yên; Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tại địa bàn tỉnh, vốn vay Ngân hàng Thế giới.

2.10. Về đầu tư công trình công cộng, đô thị, quản lý nhà nước

Nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư cho lĩnh vực công cộng, đô thị, trụ sở cơ quan quản lý nhà nước, khu đô thị, khu dân cư trên 6.650 tỷ đồng (chiếm 22,4% vốn đầu tư công của tỉnh). Trong đó tập trung xây dựng một số công trình công cộng, đô thị, trụ sở cơ quan quản lý nhà nước, các công trình đã và đang được xây dựng đã tạo bộ mặt mới cho thành phố, như: Khu số 1 và Khu số 2 thuộc Khu đô thị phía Nam TP. Bắc Giang; Trụ sở làm việc các đơn vị sự nghiệp của các sở, ngành; Trụ sở làm việc liên cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ; bên cạnh đó, đã hỗ trợ các huyện, thành phố cải tạo sửa chữa, xây mới 40 trụ sở xã...

2.11. Về kết hợp đầu tư cho lĩnh vực quốc phòng - an ninh

Trong giai đoạn 2016-2020, nguồn vốn ngân sách địa phương kết hợp với ngân sách quốc phòng đầu tư một số công trình đảm bảo an ninh - quốc phòng trên địa bàn là 186 tỷ đồng, qua đó đã hoàn thành đầu tư các dự án quan trọng, đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường ổn định và thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, như: Cơ sở làm việc Phòng cảnh sát PCCC và CNCH, Công an tỉnh Bắc Giang; Công trình quốc phòng trong khu vực phòng thủ tỉnh giai đoạn 2015-2020; Xây dựng công trình Sở chỉ huy căn cứ chiến đấu số 1 tỉnh Bắc Giang; tiếp tục hỗ trợ bồi thường GPMB thực hiện dự án Trụ sở làm việc Công an tỉnh (giai đoạn I), Cơ sở làm việc Công an huyện Hiệp Hòa, Trụ sở làm việc Công an tỉnh Bắc Giang (giai đoạn II), Đường vào khu lưu niệm 6 Điều Bác Hồ dạy CAND tại xã Nhã Nam, huyện Tân Yên, Cơ sở làm việc Công an huyện Yên Thế...

3. Một số tồn tại, hạn chế

3.1. Về công tác kế hoạch vốn đầu tư công

Việc thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn vẫn chưa giải quyết được tình trạng mất cân đối giữa khả năng đáp ứng nguồn vốn và nhu cầu về vốn đầu tư. Một số dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương (NSTW) đã được thẩm định nguồn vốn và thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 sử dụng vốn NSTW, song do nguồn vốn này giao cho địa phương bị cắt giảm nhiều (gần 50% so với số thông báo và thẩm định), trong khi đó nguồn thu ngân sách tỉnh chủ yếu từ nguồn thu tiền sử dụng đất. Do vậy việc cân đối bố trí bổ sung nguồn ngân sách tỉnh để đảm bảo mục tiêu đầu tư của dự án so với tổng mức đầu tư đã duyệt gặp khó khăn.

2. Về cơ chế chính sách

- Các Nghị định hướng dẫn thực hiện Luật Đầu tư công năm 2014 đã hướng dẫn về trình tự, thủ tục thực hiện chủ trương đầu tư, phân bổ kế hoạch vốn và triển khai thực hiện các dự án đầu tư. Tuy nhiên, chưa có quy định, hướng dẫn cụ thể có tính pháp lý bắt buộc trong hồ sơ, nội dung thẩm định, để qua đó đánh giá được hiệu quả của dự án, sắp xếp lựa chọn dự án theo thứ tự ưu tiên để bố trí kế hoạch vốn theo từng nguồn vốn, từng chương trình, giúp cho các địa phương lựa chọn được các dự án thật sự cấp thiết, đảm bảo hiệu quả kinh tế - xã hội thiết thực theo từng ngành, lĩnh vực đầu tư.

- Việc sửa đổi, bổ sung những tồn tại của Luật Đầu tư công còn chậm; Nghị định 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 77/2015/NĐ-CP, Nghị định 136/2015/NĐ-CP, Nghị định 161/2016/NĐ-CP ban hành ban đầu gây lúng túng, khó khăn trong việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án.

- Hình thức đầu tư PPP không chỉ chịu điều chỉnh bởi nhiều luật, mà còn bị chồng lấn với hình thức xã hội hóa, phạm vi áp dụng xã hội hóa chưa được phân định rõ với PPP, gây khó khăn cho cơ quan quản lý nhà nước khi lựa chọn mô hình đầu tư.

II. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Mục tiêu tổng quát

Huy động mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển; đẩy mạnh thu ngân sách nhà nước, dành tối đa cho đầu tư, tranh thủ nguồn vốn đầu tư của các Bộ, ngành Trung ương đầu tư trên địa bàn, vốn hỗ trợ theo mục tiêu của Trung ương, vốn các Chương trình MTQG, nguồn vốn ODA, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn vay ưu đãi và các nguồn vốn khác. Thực hiện phân bổ kế hoạch vốn đầu tư bám sát mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, giai đoạn 2021-2025, định hướng tái cơ cấu kinh tế; trong đó vốn đầu tư công đóng vai trò là nguồn vốn môi để thu hút các nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách. Ưu tiên đầu tư dự án kết cấu hạ tầng có thể tạo sức lan tỏa lớn, vùng động lực kinh tế, giao thông đối ngoại, đối nội, giao thông kết nối vùng khó khăn với trung tâm đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp; tiếp tục đầu tư cho nông nghiệp, y tế, giáo dục, đo đạc bản đồ... phấn đấu đến năm 2025 tỉnh có cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng đồng

bộ, đáp ứng cơ bản cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

2. Định hướng bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn

2.1. Lĩnh vực hạ tầng giao thông

Tiếp tục đầu tư phát triển hạ tầng giao thông nhằm đáp ứng nhu cầu giao thông đi lại, kết nối giữa các vùng trong và ngoài tỉnh, tạo không gian để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương và của tỉnh; giải quyết dứt điểm vấn đề tắc đường cục bộ, chia cắt, thiếu tính kết nối hiện nay. Trong đó tập trung đầu tư các tuyến đường giao thông đối ngoại kết nối QL31 với QL1A mới khu vực huyện Lục Nam, Lục Ngạn; kết nối các huyện Lục Nam, Yên Dũng với tỉnh Hải Dương; các huyện Hiệp Hòa, Việt Yên thuộc vùng động lực kinh tế của tỉnh với tỉnh Bắc Ninh, Thái Nguyên; đầu tư các tuyến đường kết nối các trục giao thông liên vùng, liên huyện, kết nối các tuyến giao thông chính với các cảng tổng hợp, khu, điểm du lịch; cải tạo, nâng cấp các tuyến đường đã xuống cấp...

2.2. Lĩnh vực hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi

Tiếp tục quan tâm đầu tư hệ thống các trạm bơm tưới, tiêu, đặc biệt là các trạm bơm tiêu nước các khu vực phát triển KCN; các hồ, đập đảm bảo an toàn trong mùa mưa lũ; hệ thống đê, các tuyến kênh tiêu, thoát nước; hạ tầng di dân, tái định cư vùng nguy cơ ảnh hưởng thiên tai...

2.3. Hạ tầng khu, cụm công nghiệp, điện

Tiếp tục đầu tư hệ thống xử lý nước thải các khu, cụm công nghiệp, đảm bảo đến năm 2025, 100% các KCN, CCN có hệ thống thu gom, xử lý nước thải đảm bảo tiêu chuẩn môi trường.

Đầu tư cải tạo hệ thống điện sinh hoạt nông thôn đảm bảo an toàn, giảm tỷ lệ hao hụt điện năng.

2.4. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo

Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất phục vụ cho công tác quản lý, dạy và học của một số trường THPT trên địa bàn tỉnh, đảm bảo phòng học 1 ca cho 100% các trường, cơ bản đầy đủ các phòng chức năng, nhà đa năng. Xóa lớp học nhờ, học tạm ở các bậc học; 100% các trường có công trình vệ sinh đạt chuẩn.

Tiếp tục đầu tư xây dựng trường Cao đẳng nghề công nghệ Việt - Hàn để trở thành trường đào tạo nghề chất lượng cao của cả nước; từng bước đầu tư nâng cao chất lượng cơ sở vật chất một số Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; hoàn thành xây dựng mới Trường Chính trị tỉnh.

2.5. Lĩnh vực y tế

Hoàn thành đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Bệnh viện Đa khoa tỉnh; các Bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh như Bệnh viện Ung bướu, Phục hồi chức năng, Y học cổ truyền; 100% các Trung tâm y tế các huyện...

2.6. Lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch

Triển khai xây dựng Trung tâm Văn hóa tỉnh nhằm hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cấp tỉnh.

2.7. Lĩnh vực thông tin và truyền thông, phát thanh truyền hình

Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh; Nâng cấp Trung tâm giám sát, điều hành thông minh gắn với chuyển đổi số trong chỉ đạo, điều hành chính quyền các cấp tỉnh Bắc Giang; Trung tâm truyền dẫn phát sóng Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh...

2.8. Lĩnh vực an sinh xã hội

Đầu tư cơ sở vật chất đảm bảo các nhiệm vụ an sinh xã hội, các cơ sở bảo trợ xã hội, cai nghiện. Tiếp tục hỗ trợ các huyện đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội các xã, nhất là các xã nghèo, miền núi, xã đặc biệt khó khăn và xây dựng nông thôn mới; hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các thôn khó khăn nhất tỉnh.

2.9. Lĩnh vực môi trường: Quan tâm đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải; tiếp tục nâng cao năng lực quan trắc môi trường tự động trên địa bàn tỉnh...

2.10. Lĩnh vực quản lý nhà nước

Đầu tư xây dựng Tòa nhà liên cơ quan tỉnh tại Quảng trường 03/2, thành phố Bắc Giang để bố trí trụ sở làm việc cho các sở, ngành có trụ sở ngoài Khu liên cơ quan nhằm tiết kiệm đất đai, vốn đầu tư cho việc xây dựng, cải tạo trụ sở làm việc của các cơ quan riêng lẻ...

3. Về nguyên tắc chung

Căn cứ Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước; Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ; Hướng dẫn số 5743/BKHĐT-TH ngày 14/8/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Công văn số 419/TTg-KTTH ngày 02/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Công điện số 01/CĐ-BKHĐT, ngày 28/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư⁽¹⁾.

Tuân thủ giao kế hoạch vốn cho các dự án theo Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ và văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương.

Đồng thời, căn cứ tình hình, kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 của tỉnh; mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ chủ yếu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, giai đoạn 2021-2025 của tỉnh. Phân bổ vốn gắn với sử dụng hiệu quả các nguồn lực; tạo mọi điều kiện nguồn lực để phát triển các vùng động lực, thúc đẩy liên kết vùng, thu hẹp dần khoảng cách phát triển giữa các vùng.

¹ Trong quá trình rà soát, cân đối nguồn vốn hiện còn 01 dự án đã được HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư: tại Nghị quyết 09/NQ-HĐND, ngày 09/7/2020 là: Đường nối ĐT295-ĐT290 (đoạn Quý Sơn-Hồng Giang), huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang; song, còn chưa cân đối được nguồn vốn đưa vào kế hoạch trung hạn của tỉnh giai đoạn 2021-2025 trong kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021 và sẽ xem xét bổ sung khi cân đối được nguồn vốn đầu tư.

UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 cho các dự án trên cơ sở theo nguyên tắc tiết kiệm trong đầu tư công là 90% tổng mức đầu tư (TMĐT) đối với dự án nhóm C và 85% TMĐT đối với dự án nhóm B (*mức bố trí trừ đi tương đương với tỷ lệ vốn dự phòng của mỗi dự án chưa được sử dụng trong TMĐT*); số vốn còn thiếu so với TMĐT được duyệt đề nghị phân bổ sau quyết toán dự án hoàn thành (nếu còn thiếu); các dự án mới phải bảo đảm thời gian bố trí vốn thực hiện dự án nhóm A không quá 06 năm, nhóm B không quá 04 năm, nhóm C không quá 03 năm. Đồng thời, danh mục dự án đã bố trí kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2021, đã được Thủ tướng Chính phủ giao năm 2021 tại Quyết định số 2185/QĐ-TTg ngày 21/12/2020 phải thuộc danh mục dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 bố trí cho dự án không thấp hơn mức vốn kế hoạch năm 2021 đã được giao.

4. Về tổng nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025

Tổng vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của tỉnh là **40.131,425 tỷ đồng**, trong đó: Vốn giao theo Quyết định 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 là 25.290,058 tỷ đồng; ngân sách tỉnh, NSTW bổ sung khác tính đến hết năm 2021 và giao tăng thu tiền sử dụng đất so với kế hoạch Trung ương giao là 14.841,367 tỷ đồng (trong đó riêng giao tăng thu tiền sử dụng đất so với Trung ương giao là 13.420 tỷ đồng).

Phân theo vốn trong nước là 39.803,736 tỷ đồng, vốn nước ngoài là 327,688 tỷ đồng.

4.1. Vốn đầu tư trong cân đối địa phương, gồm:

- Vốn cân đối ngân sách địa phương theo tiêu chí tính điểm là 3.504,7 tỷ đồng.
- Vốn ngân sách tỉnh cân đối bổ sung cho đầu tư (đã bổ sung năm 2021) là 634,691 tỷ đồng.
- Vốn xỏ số kiến thiết là 140 tỷ đồng.
- Vốn trái phiếu chính quyền địa phương là 700 tỷ đồng.
- Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất là 29.420 tỷ đồng (Trung ương giao cân đối cho tỉnh là 16.000 tỷ đồng; tỉnh giao tăng thêm 13.420 tỷ đồng). Tỷ lệ điều tiết tính để bổ sung cho đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách tỉnh (*Tính theo số đã thực giao điều tiết năm 2021, số đã xây dựng kế hoạch năm 2022 là 7.030 tỷ đồng và tính trung bình điều tiết 30% về tỉnh gồm 27% chi cho đầu tư và 3% điều tiết về Quỹ phát triển đất của tỉnh 3 năm còn lại 2023-2025 là năm 2023 là 6.000 tỷ đồng, năm 2024 là 6.000 tỷ đồng, năm 2025 là 6.000 tỷ đồng*), trong đó cụ thể là:

+ Điều tiết bổ sung cho đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách (*Tính theo số đã thực giao điều tiết để giao cho các dự án năm 2021 là 597,455 tỷ đồng, số xây dựng kế hoạch năm 2022 là 2.218,25 tỷ đồng và tính 27% trên tổng số thu tiền đất toàn tỉnh bổ sung ngân sách tỉnh để thực hiện đầu tư của 03 năm 2023-2025 còn lại*) tổng số cả giai đoạn 2021-2025 là **7.675,705 tỷ đồng**.

+ Điều tiết Quỹ phát triển đất tỉnh (Tính theo số đã thực giao điều tiết năm 2021 là 118,545 tỷ đồng, số đã xây dựng kế hoạch năm 2022 là 116,75 tỷ đồng và tính 3% trên tổng số thu toàn tỉnh bổ sung Quỹ phát triển đất của 03 năm 2023-2025 còn lại) tổng số cả giai đoạn 2021-2025 là 775,295 tỷ đồng (tỷ lệ điều tiết về Quỹ phát triển đất tỉnh có thể điều tiết linh hoạt theo nhu cầu của quỹ, còn lại để bổ sung đầu tư hàng năm cho các công trình của tỉnh do HĐND quyết định, đảm bảo phù hợp quy định tại khoản 2, Điều 6 Nghị định 43/2014/NĐ-CP và đã được cụ thể hóa tại Quyết định số 638/2013/QĐ-UBND ngày 29/11/2013).

+ Điều tiết ngân sách huyện, thành phố (Tính theo số đã thực giao điều tiết năm 2021 là 3.674 tỷ đồng, số đã xây dựng kế hoạch năm 2022 là 4.695 tỷ đồng và tính 70% tổng số thực hiện toàn tỉnh để lại cho ngân sách huyện, thành phố đầu tư của 03 năm 2023-2025 còn lại) tổng số cả giai đoạn 2021-2025 là 20.969 tỷ đồng.

4.2. Vốn NSTW giao cân đối 5.688,346 tỷ đồng, gồm:

4.2.1. Vốn trong nước là 5.360,658 tỷ đồng:

- Vốn NSTW trong nước (đầu tư theo ngành, lĩnh vực) là 5.360,658 tỷ đồng, trong đó:

+ Thu hồi các khoản vốn ứng trước là 418,958 tỷ đồng.

+ Các dự án trọng điểm, dự án có tính liên kết vùng là 1.100 tỷ đồng.

- Vốn các Chương trình MTQG (hiện chưa giao).

4.2.2. Vốn nước ngoài (ODA) cấp phát là 284,7 tỷ đồng.

4.3. Vốn NSTW giao bổ sung ngoài cân đối (không bao gồm vốn sự nghiệp):

4.3.1. Vốn NSTW xử lý cấp bách đề điều, thủy lợi và kết dư ngân sách trung ương khác (đã bổ sung năm 2021) là 43,686 tỷ đồng.

4.3.2. Vốn nước ngoài (ODA) vay lại (đã bổ sung năm 2021) là 42,988 tỷ đồng.

5. Phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025

Tổng số nguồn vốn đầu tư công trung hạn của tỉnh giai đoạn 2021-2025 là 40.131,425 tỷ đồng (gồm: Quỹ phát triển đất 775,295 tỷ đồng; vốn đầu tư các dự án 18.387,13 tỷ đồng; vốn đầu tư từ thu tiền sử dụng đất để lại các huyện, thành phố 20.969 tỷ đồng).

Phân theo ngành, lĩnh vực/số vốn đầu tư cho các dự án, cụ thể:

(1) Trả nợ vốn vay tín dụng ưu đãi, vốn vay lại ODA phần ngân sách tỉnh phải trả theo niên hạn, trả nợ các dự án quyết toán, vốn chuẩn bị đầu tư là 1.227,136 tỷ đồng (chiếm 3,1%), gồm:

- Trả nợ gốc vốn vay tín dụng ưu đãi phần ngân sách tỉnh phải trả 19 tỷ đồng (đã hoàn thành trả nợ trong kế hoạch năm 2021).

- Trả nợ gốc vay theo Hiệp định các dự án ODA đến niên hạn phải trả giai đoạn 2021-2025 là 135,456 tỷ đồng (*kế hoạch phân bổ trả nợ gốc, năm 2021 đã bố trí là 9,712 tỷ đồng*).

- Bố trí vốn để trả nợ các dự án hoàn thành quyết toán 1.013,680 tỷ đồng.

- Bố trí vốn để chuẩn bị đầu tư là 125 tỷ đồng.

(2) Vốn thực hiện nhiệm vụ quy hoạch là 13 tỷ đồng (chiếm 0,03%);

(3) Vốn thực hiện các chương trình hỗ trợ là 1.503,164 tỷ đồng (chiếm 3,7%);

(4) Phân bổ lĩnh vực giao thông 41 dự án là 9.157,834 tỷ đồng (chiếm 22,8%);

(5) Phân bổ lĩnh vực nông nghiệp 28 dự án là 1.572,431 tỷ đồng (chiếm 3,9%) (*bao gồm cả dự án được cập nhật vào trung hạn được đầu tư từ nguồn hỗ trợ dự phòng NSTW năm 2021 là 43 tỷ đồng*);

(6) Phân bổ lĩnh vực y tế 15 dự án là 1.778,4 tỷ đồng (chiếm 4,4%);

(7) Phân bổ lĩnh vực giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp 16 dự án là 738,723 tỷ đồng (chiếm 1,8%);

(8) Phân bổ lĩnh vực văn hóa, thể thao 5 dự án là 639,1 tỷ đồng (chiếm 1,6%);

(9) Phân bổ lĩnh vực lao động, trợ giúp xã hội 01 dự án là 39,7 tỷ đồng (chiếm 0,1%);

(10) Phân bổ lĩnh vực công cộng, đô thị - tài nguyên môi trường 05 dự án là 303,244 tỷ đồng (chiếm 0,8%);

(11) Phân bổ lĩnh vực quản lý nhà nước, quốc phòng, an ninh 10 dự án là 912,019 tỷ đồng (chiếm 2,4%);

(12) Phân bổ lĩnh vực hạ tầng khu công nghiệp – điện 03 dự án là 119,18 tỷ đồng (chiếm 0,3%);

(13) Phân bổ lĩnh vực công nghệ thông tin, phát thanh truyền hình 06 dự án là 286,2 tỷ đồng (chiếm 0,7%);

(14) Phân bổ lĩnh vực khoa học công nghệ 01 dự án là 28 tỷ đồng (chiếm 0,1%);

(15) Nguồn thu tiền sử dụng đất để lại các huyện, thành phố là 20.969 tỷ đồng (chiếm 52,3%).

(Chi tiết danh mục các dự án và số vốn tại biểu số 1, 2 kèm theo)

III. VỀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRONG KẾ HOẠCH HÀNG NĂM

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ chuyên môn quản lý về đầu tư, tổ chức lập, thẩm định, tổng hợp kế hoạch đầu tư công hàng năm trên cơ sở Kế hoạch đầu tư công trung hạn của tỉnh giai đoạn 2021-2025 trong phạm vi nhiệm vụ được giao và nguồn vốn thuộc cấp mình quản lý báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo đúng trình tự quy định tại Điều 48 Luật Đầu tư công.

2. Sở Tài chính, chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh xác định nguồn thu và cân đối thu chi ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025, trong đó đảm bảo chi đầu tư phát triển trên tổng chi ngân sách nhà nước ở mức hợp

lý, phân đầu tối thiểu theo tinh thần chỉ đạo của Trung ương để triển khai đảm bảo các mục tiêu đã đề ra trong kế hoạch đầu tư công trung hạn của tỉnh.

3. Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố, các cơ quan có liên quan và chủ đầu tư các dự án: Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị triển khai và thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trong kế hoạch hằng năm thuộc lĩnh vực phụ trách và được giao làm chủ đầu tư đảm bảo hoàn thành kế hoạch đề ra.

Trên đây là Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bắc Giang, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- VP UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TKCT;
 - + Các phòng, ban, đơn vị;
 - + Lưu: VT, TH.An

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Ánh Dương



PHỤ LỤC

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN TỈNH BẮC GIANG GIAI ĐOẠN 2021-2025

(TỔNG HỢP CHUNG THEO NGÀNH, LĨNH VỰC)

(Theo số vốn đã giao tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ và số vốn ngân sách tỉnh giao tăng thu tiền đất giai đoạn 2021-2025, vốn ngân sách tỉnh, ngân sách Trung ương khác đã giao ngoài cân đối bổ sung năm 2021)

TỔNG HỢP NGUỒN VỐN
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 TỈNH BẮC GIANG
 (Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (số thực tế được giao)			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
		Tổng số vốn	Trong đó:		Tổng số (bao gồm cả bổ sung nguồn của ngân sách tỉnh, ngân sách TW năm 2021 đã giao, giao tăng thu tiền đất so với TW giao và TPCQDP)	Trong đó:		
			Trong nước	Nước ngoài		Trong nước	Nước ngoài	
1	2	3	4	5	6	7	8	
	TỔNG SỐ	20.493.874	19.537.179	956.695	40.131.425	25.290.058	25.005.359	284.700
A	VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	15.160.862	15.160.862		34.400.078	19.644.700	19.644.700	
	<i>Trong đó:</i>							
I	Vốn cân đối theo tiêu chí từ ngân sách Trung ương cho tỉnh	3.058.635	3.058.635		3.504.700	3.504.700	3.504.700	Giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021
II	Vốn xổ số kiến thiết	115.500	115.500		140.000	140.000	140.000	Giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021
III	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	10.394.800	10.394.800		29.420.000	16.000.000	16.000.000	Giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021
1	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách tỉnh giao cán đối hàng năm				8.451.000	4.425.000	4.425.000	
	+ Điều tiết quỹ phát triển đất				775.295	372.695	372.695	

STT	Nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (số thực tế được giao)			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025					Ghi chú	
		Tổng số vốn	Trong đó:		Tổng số (bao gồm cả bổ sung nguồn của ngân sách tỉnh, ngân sách TW năm 2021 đã giao, giao tăng thu đất đai so với TW giao và TPCDDP)	Trong đó:		Tính riêng tổng số các nguồn vốn (theo QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ)			
			Trong nước	Nước ngoài		Trong nước	Nước ngoài	Trong nước	Nước ngoài		
	+ Bổ sung ngân sách tỉnh để đầu tư các công trình cấp thiết của tỉnh				7.675.705	7.675.705	4.052.305	4.052.305			
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất để lại cho các huyện, thành phố				20.969.000	20.969.000		11.575.000			Bổ sung KH năm 2021
IV	Vốn bổ sung cho đầu tư nguồn vượt thu, nguồn kết dư và nguồn thu khác từ ngân sách tỉnh	1.571.327		1.571.327	634.691	634.691					
V	Bộ chỉ ngân sách địa phương	20.600		20.600							
VI	Vốn trái phiếu chính quyền địa phương				700.000	700.000					
VII	Dự kiến vốn đầu tư từ ngân sách tỉnh (theo cơ chế đất khai thác mới)										
VIII	Vốn khác (kết dư ngân sách tỉnh và TW, đối ứng từ ngân sách cấp huyện, xã; nguồn thu hợp pháp của các đơn vị sự nghiệp)				686	686					Bổ sung KH năm 2021
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	5.073.812	4.117.117	956.695	5.688.346	5.360.658	327.688	5.645.358	5.360.658	284.700	
I	Vốn ngân sách Trung ương trong nước (Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực)	1.567.371	1.567.371		5.360.658	5.360.658		5.360.658	5.360.658		Giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021
	Trong đó:										
1	Thu hồi các khoản ứng trước				418.958	418.958		418.958	418.958		
2	Các dự án trọng điểm, dự án có tính liên kết vùng, đường ven biển				1.100.000	1.100.000		1.100.000	1.100.000		
II	Vốn nước ngoài (ODA)	956.695		956.695	327.688	327.688		284.700	284.700		

STT	Nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (số thực tế được giao)		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Ghi chú	
		Tổng số vốn	Trong đó:	Tổng số (bao gồm cả bổ sung nguồn của ngân sách tỉnh, ngân sách TW năm 2021 đã giao, giao tăng thu tiền đất so với TW giao và TPCQP)	Trong đó:	Tính riêng tổng số các nguồn vốn (theo QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ)	Trong nước		Nước ngoài
			Trong nước	Nước ngoài	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài
	Trong đó:								
1	Vốn ODA cấp phát từ NSTW	803.584		803.584	284.700	284.700	284.700	284.700	
2	Vốn ODA do tỉnh vay lại	153.111		153.111	42.988	42.988	42.988		
III	Vốn trái phiếu Chính phủ	1.020.600	1.020.600						
1	Giao thông	936.000	936.000						
2	Giáo dục	84.600	84.600						
IV	Vốn Chương trình MTQG	1.529.146	1.529.146						
1	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	1.022.900	1.022.900						
									TW chưa giao trung hạn 2021-2025; KH năm 2021 bổ sung vốn sự nghiệp NSTW là 27.643 tỷ đồng

STT	Nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (số thực tế được giao)		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025					Ghi chú	
		Tổng số vốn	Trong đó:		Tổng số (bao gồm cả bổ sung nguồn của ngân sách tỉnh, ngân sách TW năm 2021 đã giao, giao ứng thu tiền đất so với TW giao và TPCQP)	Trong đó:				Tổng số
			Trong nước	Nước ngoài		Trong nước	Nước ngoài	Nước ngoài		
2	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	506.246	506.246							TW chưa giao trung hạn 2021-2025
3	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030									TW chưa giao trung hạn 2021-2025
C	VỐN NSTW BỔ SUNG HÀNG NĂM (NGOÀI CÁN ĐỐI ĐÁ GIAO TRUNG HẠN)	259.200	259.200		43.000					
I	Thủy lợi, đê điều	254.200	254.200		43.000					Bổ sung KH năm 2021 từ dự phòng NSTW
II	Phát triển rừng	5.000	5.000							
III	Lĩnh vực khác (nếu có)									

STT		Đanh mục dự án	Chức danh tư vấn	Thời gian KCS LIT	Năng lực thiết kế thiết, giám Ban hành	Số quyết định, nghị Ban hành	TMBT		TỔNG SỐ		Trong đó:		Trong đó:		Vốn HTMT từ NSTW (theo số báo cáo tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/09/2021)	Vốn trái phiếu chính quyền địa phương	Vốn hỗ trợ từ NS TW khác cho ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư	Vốn khác (hỗ trợ TW; vốn ngân sách cấp huyện, xã; nguồn tài trợ khác từ ngân sách cấp huyện, xã; nguồn thu hợp pháp của các DV, nghiệp vụ...)	
							Tổng số	Đơn vị	Tổng số	Đơn vị	Tổng số	Đơn vị	Tổng số	Đơn vị					
(1)	Xây dựng cầu và đường dẫn nối cảng Mỹ An - QL31 - QL1 và tuyến nhánh hồ Suối Nhon - Khuôn Thôn trên địa bàn huyện Lạc Nam và Lạc Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các CTGT, NN tỉnh	4.609	933.150	797.160	555.040	262.120	262.120	569.000	569.000	387.800	387.800	487.000	487.000	56.500	56.500	639.000	639.000	
(2)	Xây dựng cầu Đổng Việt và đường dẫn lên cầu, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các CTGT, NN tỉnh	793.000	700.000	1.493.000	456.327	456.327	573.000	573.000	126.721	126.721	2.280.550	2.280.550	2.280.550	2.280.550	2.280.550	2.280.550	2.280.550	2.280.550
(3)	Xây dựng cầu Nhị Nguyệt, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các CTGT, NN tỉnh	573.000	573.000	573.000	573.000	573.000	573.000	573.000	573.000	573.000	573.000	573.000	573.000	573.000	573.000	573.000	573.000	573.000
(4)	Nâng cấp mở rộng đường nối từ ĐT293 đến QL17, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các CTGT, NN tỉnh	126.721	126.721	126.721	126.721	126.721	126.721	126.721	126.721	126.721	126.721	126.721	126.721	126.721	126.721	126.721	126.721	126.721
(5)	Đầu tư tuyến đường kết nối từ ĐT295 đến QL37, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các CTGT, NN tỉnh	2.280.550	2.280.550	2.280.550	2.280.550	2.280.550	2.280.550	2.280.550	2.280.550	2.280.550	2.280.550	2.280.550	2.280.550	2.280.550	2.280.550	2.280.550	2.280.550	2.280.550
(6)	Đường vành đai 5 - Vành đai 6, liên địa bàn tỉnh Bắc Giang (đoạn từ KCN Yên Sơn - Bắc Lãng đến ĐT 293B quy hoạch) và ĐT 293B (đoạn từ Vành đai 5 đến QL31)	Ban QLDA ĐTXD các CTGT, NN tỉnh	2.280.550	2.280.550	2.280.550	2.280.550	2.280.550	2.280.550	2.280.550	2.280.550	2.280.550	2.280.550	2.280.550	2.280.550	2.280.550	2.280.550	2.280.550	2.280.550	2.280.550

Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Bổ sung nguồn các kế hoạch trong đầu tư công là 90% TMDT đối với dự án nhóm C; 85% TMDT đối với dự án nhóm B)																						
STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Ngày lực thiết kế	Số quyết định, nghị định, năm ban hành	Quyết định phê duyệt chi trong đầu tư			TMDT		TỔNG SỐ (tính các nguồn vốn)		Vốn cân đối NS tỉnh (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 1535/QĐ-TTg, 1535/QĐ-TTg, 1535/QĐ-TTg, 1535/QĐ-TTg)	Nguồn kết dư, nguồn vay từ ngân sách tỉnh, vượt thu ngân sách tỉnh, vượt thu khác từ ngân sách tỉnh, bổ sung từ (tổng số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 1535/QĐ-TTg, 1535/QĐ-TTg)	Vốn HTMT từ NSTW (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 1535/QĐ-TTg, 1535/QĐ-TTg)	Vốn ODA (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 1535/QĐ-TTg, 1535/QĐ-TTg)	Vốn HTMT từ NSTW (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 1535/QĐ-TTg, 1535/QĐ-TTg)	Tổng số	Tổng số	Trong đó: KH năm 2021	Chi chủ	
						Tổng số (tính các nguồn vốn)	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP, TP chính quyền địa phương, hỗ trợ từ ngân sách TW khác)	Vốn ODA	Theo nhu cầu đầu tư của tỉnh (gồm vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, vốn TPCP địa phương, hỗ trợ từ ngân sách TW khác và đối ứng ngân sách cấp huyện, xã)	Theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 1535/QĐ-TTg, 1535/QĐ-TTg	Vốn HTMT từ NSTW (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 1535/QĐ-TTg, 1535/QĐ-TTg)	Vốn ODA (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 1535/QĐ-TTg, 1535/QĐ-TTg)										Vốn HTMT từ NSTW (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 1535/QĐ-TTg, 1535/QĐ-TTg)
1.1	Tiền dự án hệ thống cấp nước sạch KCN Đình Thôn thuộc Dự án hệ thống KCN Đình Thôn	Công ty TNHH MTV CTN Bắc Giang (Ngày lập CT CP)	2009-2010	5.600/09/2009	1484/QĐ-UBND, 28/06/2009	9.000	9.000	9.000	9.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Vốn khác (hỗ trợ của các ngành, TW; vốn đối ứng từ ngân sách cấp huyện, xã; nguồn thu hợp pháp khác của DV (nếu có))	
2	Dự án khai công mới trong giai đoạn 2021-2025					154.562	31.062	105.000	117.200	117.200	117.200	1.980	1.980	1.980	1.980	1.980	1.980	1.980	1.980	1.980	Vốn HTMT từ NSTW (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 1535/QĐ-TTg, 1535/QĐ-TTg)	
2.1	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải KCN Song Khê - Nội Hoàng (phần B) giai đoạn 2	Công ty CP Phát triển và Đầu tư Bắc Giang	2021-2024	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải KCN Song Khê - Nội Hoàng (phần B) giai đoạn 2	09/NQ-HĐND ngày 09/7/2020	123.500	31.062	105.000	89.200	89.200	89.200	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Vốn HTMT từ NSTW (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 1535/QĐ-TTg, 1535/QĐ-TTg)	
2.2	Lập bản đồ, cắm mốc hướng tuyến đường và trạm biến áp 10kV từ hồ Tân Giang đoạn 2021-2020	Sở Công Thương	2024-2025	Lập bản đồ, cắm mốc hướng tuyến đường và trạm biến áp 10kV từ hồ Tân Giang	718/QĐ-UBND ngày 19/7/2021	31.062	31.062	31.062	28.000	28.000	28.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Vốn HTMT từ NSTW (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 1535/QĐ-TTg, 1535/QĐ-TTg)	
IX	LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH; THANH THIỆU NIÊN					697.775	570.498	127.277	588.600	588.600	588.600	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Vốn HTMT từ NSTW (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 1535/QĐ-TTg, 1535/QĐ-TTg)	
1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025					133.000	5.713	127.277	108.000	108.000	108.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Vốn HTMT từ NSTW (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 1535/QĐ-TTg, 1535/QĐ-TTg)
1.1	Bảo tồn, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt không gian di sản khảo cổ học Yên Tử tại tỉnh Bắc Giang (giai đoạn 1)	Sở VH TT&DL	2019-2022	Phục dựng, bảo tồn, tôn tạo di tích	2143/PC-UBND, 14/06/2019; 916/UBND-TN, 02/2/2016; 1713/QĐ-TTg, ngày 09/7/2016; 444/TT-UBND, 16/9/2021	113.000	5.713	127.277	108.000	108.000	108.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Vốn HTMT từ NSTW (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 1535/QĐ-TTg, 1535/QĐ-TTg)

Kế hoạch đầu tư công trong hạn giải ngân 2021-2025 (Bổ sung theo nguyên tắc tiếp nhận đầu tư công là 90% TMDT đối với dự án nhóm C; 85% TMDT đối với dự án nhóm B)

STT	Đanh mục dự án	Chia đầu tư	Thời gian KC HT	Số quyết định, nghị định, thông tư ban hành	TMDT		TỔNG SỐ (tất cả các nguồn vốn)	Vốn của địa phương (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg)	Vốn của các địa phương (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg)	Tổng số	Nguồn kết cấu, vượt thu tiền đất, vượt thu ngân sách từ ngân sách địa phương (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg)	Vốn HTMT từ NSTW (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg)	Vốn ODA (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg)	Trong đó: KH năm 2021	Vốn hỗ trợ từ NS TW khác cho ngân sách địa phương (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg)	Vốn khác (bộ trợ của các cấp, bộ, ngành TW; vốn từ ngân sách cấp huyện, xã; nguồn thu hợp pháp của các DV, nghiệp vụ...)	
					Đầu tư	Chi trả											
(3)	Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giảng dạy Trung tâm Y tế huyện Tân Yên	Ban QLDA ĐTXD CT ĐD&CN tỉnh	2019-2022	11/NQ-HBND ngày 11/7/2019	148.655	148.655	50.000	50.000	50.000	50.000	0	0	0	0	0	0	
(4)	Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giảng dạy Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hòa	Ban QLDA ĐTXD CT ĐD&CN tỉnh	2019-2022	11/NQ-HBND ngày 11/7/2019	171.356	171.356	60.000	60.000	55.000	55.000	0	0	0	0	0	0	
(5)	Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giảng dạy Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang	Ban QLDA ĐTXD CT ĐD&CN tỉnh	2019-2022	11/NQ-HBND ngày 11/7/2019	118.329	118.329	35.000	35.000	35.000	35.000	0	0	0	0	0	0	
(6)	Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giảng dạy Bệnh viện Phụ nữ chức năng Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD CT ĐD&CN tỉnh	2019-2022	11/NQ-HBND ngày 11/7/2019	102.085	102.085	41.000	41.000	22.000	22.000	0	0	0	0	0	0	
2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				1.407.623	932.837	1.097.480	317.700	325.000	40.000	90.000	364.700					
2.1	Ban QLDA ĐTXD CT ĐD&CN tỉnh																
(1)	Dự án ĐTXD mở rộng quy mô giảng dạy Bệnh viện Ung bướu	Ban QLDA ĐTXD CT ĐD&CN tỉnh	2021-2023	09/NQ-HBND ngày 09/7/2020	149.455	149.455	107.000	77.000	71.000	28.000	0	0	0	0	0	0	0
(2)	Dự án ĐTXD mở rộng quy mô giảng dạy Trung tâm Y tế huyện Việt Yên	Ban QLDA ĐTXD CT ĐD&CN tỉnh	2021-2023	09/NQ-HBND ngày 09/7/2020	164.442	164.442	120.990	30.000	60.000	28.000	30.000	0	0	0	0	0	0
(3)	Dự án ĐTXD mở rộng quy mô giảng dạy Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn	Ban QLDA ĐTXD CT ĐD&CN tỉnh	2021-2023	09/NQ-HBND ngày 09/7/2020	139.677	139.677	117.300	0	0	0	0	117.300					

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC HT	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			TỔNG SỐ (đất và các nguồn vốn)				Kế hoạch đầu tư công trong hạn giải ngân 2021-2025 (Bổ trợ theo nguyên tắc tiếp nhận trong hạn từ công là 90% TMĐT đối với dự án nhóm C; 85% TMĐT đối với dự án nhóm B)				Vốn khác (bổ trợ của các cấp, bộ, ngành TW, vốn đối ứng từ ngân sách cấp huyện, xã)	Vốn khác (bổ trợ của các cấp, bộ, ngành TW, vốn đối ứng từ ngân sách cấp huyện, xã)	Chi chủ				
					Vốn NSTW (gồm: NSTW, TP, chính quyền địa phương, hỗ trợ từ ngân sách TW khác)	Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Theo như chủ đầu tư của tỉnh (gồm vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, vốn TPCQ địa phương, ngân sách tỉnh bổ trợ NS TW khác và đối ứng ngân sách cấp huyện, xã)	Vốn nhà đầu tư (theo số tiền đầu tư đã ký kết)	Vốn nhà đầu tư (theo số tiền đầu tư đã ký kết)	Vốn nhà đầu tư (theo số tiền đầu tư đã ký kết)	Vốn nhà đầu tư (theo số tiền đầu tư đã ký kết)	Vốn nhà đầu tư (theo số tiền đầu tư đã ký kết)	Vốn nhà đầu tư (theo số tiền đầu tư đã ký kết)	Vốn nhà đầu tư (theo số tiền đầu tư đã ký kết)				Vốn nhà đầu tư (theo số tiền đầu tư đã ký kết)	Vốn nhà đầu tư (theo số tiền đầu tư đã ký kết)	Vốn nhà đầu tư (theo số tiền đầu tư đã ký kết)	Vốn nhà đầu tư (theo số tiền đầu tư đã ký kết)
(4)	Phát triển các dự án đầu tư xây dựng (GMS) và 2, vay vốn ADB - Dự án thành phố tỉnh Bắc Giang	UBND TP Bắc Giang	2016-2022	1777/BKHCĐT-KTDP<, 6/3/2016	887.462	2.500	124.200	720.859	182.790	152.080	152.080	30.710	152.080	30.710								
2	Dự án khai thác mỏ trong tỉnh Bắc Giang				40.349	40.349		36.000	36.000	36.000												
2.1	Số TN&MT																					
(1)	Nâng cấp đường trục tỉnh Bắc Giang	Số TN&MT	2022-2023	1263/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	40.349	40.349		36.000	36.000	36.000												
XVIII	ĐẦU TƯ CHƯỜNG TRÌNH ATK																					
1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025																					
(1)	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Hoàng An, Hoàng Lương, Thái Sơn, Đại Thành và Trinch Văn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang	UBND huyện Hiệp Hòa	2020-2022	562/QĐ-UBND, 20/10/2021; 1069/QĐ-UBND, 26/12/2020; 1069/QĐ-UBND, 6/10/2021	11.122	4.422	8.700		8.700	8.700												
(2)	Xây dựng nhà máy lọc các thành phần THCS xã Hòa Sơn, huyện Hiệp Hòa	UBND huyện Hiệp Hòa	2020-2022	566/QĐ-UBND, 30/10/2021; 1717/QĐ-UBND, 26/12/2020; 1062/QĐ-UBND, 6/10/2021	9.459	5.459	4.000		4.000	4.000												

STT	Đanh mục dự án	Chức danh tư vấn HT	Thời gian KC HT	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TỔNG SỐ (tất cả các nguồn vốn)	TMDT		Trong đó:		Trong đó:		Vốn hỗ trợ từ NS.TW khác ngân sách cấp huyện, ưu tiên cho đầu tư	Vốn khác từ ngân sách cấp huyện, ưu tiên cho đầu tư	Vấn khác (bổ trợ của các bộ, ngành)	Ghi chú		
						TMDT	TMDT	TMDT	TMDT	TMDT	TMDT					TMDT	TMDT
(1)	Xây dựng nhà lớp học các trường THCS Quang Minh, THCS Hùng Sơn, THCS Thanh Văn, huyện Hiệp Hòa	UBND huyện Hiệp Hòa	2020-2021	Năng lực thiết kế	8.528	6.028	2.500	2.800	2.800	2.800	2.800	Vốn HTMT từ NSTW (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TPG, 1597/QĐ-TPG)	Vấn hỗ trợ từ NS.TW khác ngân sách cấp huyện, ưu tiên cho đầu tư	Vấn khác (bổ trợ của các bộ, ngành)			
2	Dự án khai công mới trong giải đoạn 2021-2025			Xây dựng nhà bếp, nhà vệ sinh, nhà tắm, phòng học, chơi bóng, sân chơi	231.293	191.000	212.193	195.000	195.000	195.000	195.000	Vấn HTMT từ NSTW (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TPG, 1597/QĐ-TPG)	Vấn khác từ ngân sách cấp huyện, ưu tiên cho đầu tư	Vấn khác (bổ trợ của các bộ, ngành)			
(1)	Tu bổ, tôn tạo một số di tích lịch sử, văn hóa ATKII tại các xã: Hòa Sơn, Hoàng Văn, Xuân Cẩm và đầu tư xây dựng cơ sở vật chất Trường THCS Hùng Sơn, huyện Hiệp Hòa	UBND huyện Hiệp Hòa	2021-2023	Thăng tu di tích lịch sử, văn hóa ATKII tại các xã: Hòa Sơn, Hoàng Văn, Xuân Cẩm và đầu tư xây dựng cơ sở vật chất Trường THCS Hùng Sơn, huyện Hiệp Hòa	59.554	500	59.454	50.500	50.500	50.500	50.500	Vấn HTMT từ NSTW (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TPG, 1597/QĐ-TPG)	Vấn khác từ ngân sách cấp huyện, ưu tiên cho đầu tư	Vấn khác (bổ trợ của các bộ, ngành)			
(2)	Xây dựng cơ sở vật chất một số trường MN, TH, THCS thuộc các xã: Thanh Văn, Mờ Trung, Quang Minh, Mờ Đình, Hoàng Thành, Hoàng Văn, huyện Hiệp Hòa	UBND huyện Hiệp Hòa	2021-2023	Xây dựng phòng học (3.120 m ² phòng học MN; 3.000 m ² phòng học TH; 1.020 m ² phòng học THCS) Nhà bếp 84	55.339	500	54.839	46.600	46.600	46.600	46.600	Vấn HTMT từ NSTW (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TPG, 1597/QĐ-TPG)	Vấn khác từ ngân sách cấp huyện, ưu tiên cho đầu tư	Vấn khác (bổ trợ của các bộ, ngành)			
(3)	Xây dựng phòng học thuộc các xã ATKII: Xuân Cẩm, Mờ Trung, Hợp Thịnh, Hương Lâm, Hoàng An, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang	UBND huyện Hiệp Hòa	2022-2025	66 phòng học	62.000	10.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	Vấn HTMT từ NSTW (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TPG, 1597/QĐ-TPG)	Vấn khác từ ngân sách cấp huyện, ưu tiên cho đầu tư	Vấn khác (bổ trợ của các bộ, ngành)			
(4)	Xây dựng phòng học thuộc các xã ATKII: Tả Sơn, Hoàng Văn, Hương Lâm, Hợp Thịnh, Hùng Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang	UBND huyện Hiệp Hòa	2021-2023	66 phòng học	54.000	8.100	45.900	45.900	45.900	45.900	45.900	Vấn HTMT từ NSTW (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TPG, 1597/QĐ-TPG)	Vấn khác từ ngân sách cấp huyện, ưu tiên cho đầu tư	Vấn khác (bổ trợ của các bộ, ngành)			

STT	Đanh mục dự án	Chức năng đầu tư	Thời gian KC HT	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		TỔNG SỐ (tất cả các nguồn vốn)		Nguồn vốn		Trong đó:		Trong đó:		Vốn hỗ trợ từ NS TW khác	Vốn khác (bổ trợ của các dự, ngành TW; vốn đối ứng từ ngân sách cấp huyện, xã; nguồn thu hợp pháp của đầu tư các DV sự nghiệp ...)	Ghi chú
					Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCN, TP chính quyền địa phương, hỗ trợ từ ngân sách TW khác)	Vốn ngân sách tỉnh	Theo chủ đầu tư của tỉnh (gồm vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, vốn giao tại QĐ TPCQ địa phương, ngân sách tỉnh hỗ trợ NS TW khác và đối ứng ngân sách cấp huyện, xã)	Vốn của địa phương (NS tỉnh (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 1535/QĐ-TPCQ địa phương, ngân sách tỉnh))	Vốn bổ sung cho đầu tư (theo số dự kiến đầu tư năm 2021 + số dự kiến đầu tư năm 2022 + số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 1535/QĐ-TPCQ địa phương)	Vốn HTMT (trừ NSTW (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 1535/QĐ-TPCQ địa phương))	Vốn ODA (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 1535/QĐ-TPCQ địa phương)	Vốn HTMT (trừ NSTW (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 1535/QĐ-TPCQ địa phương))	Vốn HTMT (trừ NSTW (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 1535/QĐ-TPCQ địa phương))	Vốn HTMT (trừ NSTW (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 1535/QĐ-TPCQ địa phương))			
XIX	HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN THEO NB 5720/18/NB-CP, NGÀY 17/4/2018		2021-2025				150.000	150.000	150.000								
B	VỐN ĐẦU TƯ TƯ NGƯỜN THRU SỬ DỤNG BÁT		2021-2025				29.420.000	16.000.000	29.420.000	8.451.000	20.969.000						
	Thành phố Bắc Giang						10.742.000	8.100.000	10.742.000								
	Huyện Việt Yên						7.182.000	2.300.000	7.182.000								
	Huyện Hiệp Hòa						1.800.000	1.200.000	1.800.000								
	Huyện Yên Dũng						2.212.000	1.250.000	2.212.000								
	Huyện Lạng Giang						2.702.000	1.000.000	2.702.000								
	Huyện Tân Yên						1.350.000	750.000	1.350.000								
	Huyện Yên Thế						450.000	250.000	450.000								
	Huyện Lục Nam						2.062.000	750.000	2.062.000								
	Huyện Lục Ngạn						820.000	400.000	820.000								
	Huyện Sơn Động						100.000	100.000	100.000								
	Trong đó:																
1	TRÍCH QUỸ PHÁT TRIỂN BÀT TÍNH; ĐIỀU TIẾT NS TÍNH ĐỀ CHỊ BT GPMB VÀ BỔ SUNG CHO ĐẦU TƯ						8.451.000	8.451.000	8.451.000	8.451.000	8.451.000						
1.1	Trích Quỹ phát triển đầu tư và điều tiết và ngân sách tỉnh để chi BT GPMB và bổ sung cho đầu tư						775.295	372.695	775.295	775.295	775.295						

STT	Đanh mục dự án	Thời gian KC III	Chỉ đầu tư	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt chỉ trong đầu tư		TỔNG SỐ (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		Vốn khác (bổ trợ của các bộ, ngành, địa phương)	Vốn hỗ trợ từ TW, NS TW khác cho ngân sách tỉnh, huyện, xã	Vốn trái phiếu chính quyền địa phương	Vốn khác (bổ trợ từ ngân sách cấp huyện, xã; nguồn thu hợp pháp của các BV sự nghiệp ...)	Chú chú	
						TMĐT		TỔNG SỐ		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:							
						Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCT, TP chính quyền địa phương, hỗ trợ từ ngân sách TW khác)	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCT, TP chính quyền địa phương, hỗ trợ từ ngân sách TW khác)	Theo nhu cầu đầu tư của tỉnh (gồm vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TT, vốn TPCT địa phương, ngân sách địa phương, hỗ trợ NS TW khác và đối ứng ngân sách cấp huyện, xã)	Theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TT, 15/9/2021	Tăng nguồn thu tiền sử dụng đất, giao cấp đất, giao cấp quyền TW 16 nghìn tỷ đồng và dự kiến giao tăng 13.420 tỷ đồng so với số TW giao cho (tính)	Vốn hỗ trợ ngân sách tỉnh khác từ ngân sách tỉnh (theo số báo cáo)	Vốn HTMT từ NSTW (theo số báo cáo tại QĐ 1535/QĐ-TT, 15/9/2021)	Vốn ODA (theo số báo cáo tại QĐ 1535/QĐ-TT, 15/9/2021)	Vốn ODA do tỉnh vay lại	Tổng số						Tổng số
1.2	Điều tiết về ngân sách tỉnh để chỉ BTGPMB và bổ sung cho đầu tư						7.675.705	4.052.305	7.675.705	7.675.705											
2	VỐN TỰ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT ĐIỀU TIẾT NGAN SÁCH CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ ĐỀ ĐẦU TƯ						20.969.000	11.575.000	20.969.000	20.969.000											
2.1	Thành phố Bảo Giang						6.207.085		6.207.085												
2.2	Huyện Việt Yên						5.052.390		5.052.390												
2.3	Huyện Hiệp Hòa						1.377.212		1.377.212												
2.4	Huyện Yên Dũng						1.911.972		1.911.972												
2.5	Huyện Lạng Giang						2.190.973		2.190.973												
2.6	Huyện Tân Yên						1.011.771		1.011.771												
2.7	Huyện Yên Thế						423.307		423.307												
2.8	Huyện Lục Nam						1.933.632		1.933.632												
2.9	Huyện Lục Ngạn						720.704		720.704												
2.10	Huyện Sơn Động						139.954		139.954												